TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 309/2018/HNGĐ-ST
Ngày 03/10/2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tự Soái
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Mừng
2. Bà Bùi Thị Hoanh

- Thư ký Tòa án: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ *tham gia phiên tòa:* Bà Trương Thị Vân, Kiểm sát viên.

Vào hồi 7 giờ 30 phút, ngày 03 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 266/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2018 về việc *"Ly hôn và tranh chấp con chung khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2018/QĐST-HPT ngày 24 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T; trú tại thôn P, xã A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H; trú tại: thôn M, xã A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 7 năm 2018 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Đ ông Nguyễn Văn T (nguyên đơn) trình bày:

1. Về hôn nhân:

Ông T và bà H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký hôn số 57/2012 ngày 24 tháng 8 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vả nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt.

Từ tháng 5 năm 2018 đến nay mỗi người sống mỗi nơi, không còn ai quan tâm đến ai.

Ông T thấy mẫu thuẫn xảy ra không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, nguyên đơn làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

Tại các văn bản ghi ý kiến của bà H (bị đơn) trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, bà H thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng xảy ra không thể hàn gắn được nên cũng đồng ý ly hôn.

2. Về con chung:

Ông T khai vợ chồng có 02 con chung:

- Nguyễn Văn Gia B, sinh ngày 02 tháng 6 năm 2014;
- Nguyễn Ngọc Minh A, sinh ngày 10 tháng 10 10 năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án ông T có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cả 02 con, tuy nhiên tại phiên tòa ông T xin được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn Gia B và không yêu cầu bà H đóng góp nuôi con.

Bà H công nhận vợ chồng có 02 con chung như ông T khai, nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cả 02 con chung và yêu cầu ông T đóng góp cấp dưỡng cho 01 cháu mỗi tháng số tiền 1.500.000 đồng.

3. Về tài sản chung:

Ông T và bà H cùng khai tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án can thiệp.

4. Về nợ chung:

Ông T và bà H cùng khai không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật Tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của đương sự, nguyên đơn ông T và bị đơn bà H thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ về việc giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Ông T và bà H đều có lời khai thống nhất, phù hợp với tài liệu điều tra thể hiện cả hai xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 24 tháng 8 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ.

Sau khi xác lập quan hệ hôn nhân, trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do luôn bất đồng quan điểm sống, thường xuyên tranh cải với nhau và vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 5 năm 2018 đến nay. Ông T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng xảy ra không thể hàn gắn được nên xin ly hôn và bà H cũng đồng ý ly hôn.

Xét thấy, việc thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ, phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật.

- Về con chung: Ông T và bà H khai thống nhất có 02 con chung là Nguyễn Văn Gia B, sinh ngày 02 tháng 6 năm 2014 và Nguyễn Ngọc Minh A, sinh ngày 10 tháng 10 năm 2015.

Ông T có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu B và không yêu cầu cấp dưỡng.

Bà H có nguyện vọng nuôi dưỡng 02 cháu B và A, yêu cầu ông T cấp dưỡng cho 01 cháu mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Tuy nhiên, việc giao con cho ai cần phải xem xét điều kiện thực tế về mọi mặt. Hiện tại cả ông T và bà H đều có việc làm thu nhập ổn định, có điều kiện chăm sóc con

chung. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển ổn định cho vị thành niên nên giao cháu Nguyễn Văn Gia B cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Nguyễn Ngọc Minh A cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Vì mỗi người nuôi 01 con chung nên không xem xét cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông T và bà H cùng khai tự thỏa thuận giải quyết.
- Về nợ chung: Ông T và bà H cùng khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa ngày 24 tháng 9 năm 2018, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt lần thứ nhất không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa là đúng quy định tại các Điều 227 và 233 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn ông T và bị đơn bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Tại phiên tòa hôm nay các đương sự đều có mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Ông T và bà H đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Đ vào ngày 24 tháng 8 năm 2012 trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận.

Sau khi xác lập quan hệ hôn nhân, trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cả hai luôn bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên tranh cải với nhau và không còn chung sống từ tháng 5 năm 2018 đến nay. Ông T và bà H thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng xảy ra không thể hàn gắn được. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông T xin ly hôn và bà H cũng đồng ý. Việc thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ, phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Ông T có nguyện vọng nuôi cháu Nguyễn Văn Gia B, bà H có nguyện vọng nuôi cả 02 cháu Nguyễn Văn Gia B và Nguyễn Ngọc Minh A. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của các con vị thành niên. Hiện tại cả ông T và bà H đều có việc làm thu nhập hằng tháng ổn định, đều có khả năng và đầy đủ điều kiện chăm sóc con. Căn cứ vào các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên giao cháu Nguyễn Văn Gia B cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Nguyễn Ngọc Minh A cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông T và bà H mỗi người nuôi dưỡng 01 cháu nên không xem xét cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Về tài sản chung: Ông T và bà H cùng khai tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án can thiệp nên không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Ông T và bà H cùng khai không có nên không xem xét.

[7]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Án phí, lệ phí Tòa án thì ông T phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn Gia B, sinh ngày 02 tháng 6 năm 2014 cho ông Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Nguyễn Ngọc Minh A, sinh ngày 10 tháng 10 năm 2015 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu (B và A) đủ 18 tuổi.

Ông T và bà H mỗi người nuôi dưỡng 01 cháu nên không xem xét cấp dưỡng nuôi con.

Các bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 11196 ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Ông T đã nộp đủ.

- ***Về quyền kháng cáo:*** Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Nam;*
- *VKSND huyện Đ;*
- *Chi cục THADS huyện Đ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Tự Soái